CUỐI KỲ KIỂM TOÁN CƠ BẢN

**PHẦN 1: CÂU HỎI LÝ THUYẾT VÀ BÀI TẬP NHỎ**

**Câu 1: Thế nào là trọng yếu trong kiểm toán. Trình bày ý nghĩa của việc xác định mức trọng yếu trong quá trình kiểm toán.**

* Trọng yếu là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin trong báo cáo tài chính. Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu tính chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.
* Mức trọng yếu là một mức giá trị do kiểm toán viên xác định tùy thuộc vào tầm quan trọng và tính chất thông tin hay sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Mức trọng yếu là một ngưỡng, một điểm chia cắt chứ không phải là nội dung của thông tin cần phải có. Tính trọng yếu của thông tin phải được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính.
* **Ý nghĩa của việc xác định trọng yếu đối với công việc kiểm toán:**
* Xác định nội dung, lịch trình và các thủ tục kiểm toán: việc xác định mức trọng yếu ở mức độ BCTC và mức trọng yếu cho các số dư (nghiệp vụ) để xác định trọng tâm cần kiểm tra và xác định thời gian, nội dung và lịch trình của các thủ tục kiểm toán.
* Đánh giá ảnh hưởng của các sai sót: đánh giá các sai phạm phát hiện được có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC hay không, để đưa ra ý kiến nhận xét cho phù hợp.

**VẬN DỤNG: Khi lập kế hoạch kiểm toán BCTC trong công ty ABC, kiểm toán viên xác định mức trọng yếu dựa trên tiêu chí “lợi nhuận trước thuế”, có giá trị là 3.000 trd, M1 được tính theo tỷ lệ 5%, M2 được tính theo tỷ lệ 50%M1. Yêu cầu xác định MTY tổng thể(M1) và MTY thực hiện(M2).**

M1= 5%\* 3.000 = 150 trd

M2=50%M1= 50%\*150 = 75 trd

**Chú ý:** Dựa vào mức trọng yếu thực hiện để kết luận cho các khoản mục

Dựa vào mức trọng yếu tổng thể để kết luận toàn bộ BCTC

**Câu 2: Thế nào là sai sót (theo VSA 200)**

* **Thế nào là gian lận, nhầm lẫn và sai sót?**
* **Theo chuẩn mực kiểm toán 240 thế nào là “gian lận”?**

Sai sót là sự khác biệt giữa giá trị, cách phân loại, trình bày hoặc thuyết minh một khoản mục trên BCTC với giá trị, cách phân loại, trình bày hoặc thuyết minh khoản mục đó theo khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng. Sai sót có thể phát sinh do nhầm lẫn hoặc gian lận.

* **Theo chuẩn mực quốc tế 240 hiện hành, Gian lận là** hành vi cố ý do một hay nhiều người trong ban quản trị, ban giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện, bằng các hành vi gian dối để thu lợi một cách bất chính hoặc bất hợp pháp.
* **Nhầm lẫn** là những lỗi, hành vi không cố ý, ảnh hưởng đến BCTC như:

+ Lỗi do nhầm lẫn, tính toán sai về mặt số học hoặc ghi chép sai

+ Bỏ xót hoặc hiểu sai các khoản mục

+ Áp dụng sai chuẩn mực, phương pháp kế toán.

**Vận dụng:**

**Kiểm toán viên đang thực hiện kiểm toán nợ phải thu trong BCTC năm N1, tại công ty XY. Theo danh mục khách hang cung cấp có 200 khách hang, trong đó có 25 khách hang có số dư nợ lớn, kiểm toán đã gửi xác nhận và khớp đúng**

**Số khách hang còn lại, kiểm toán viên tiến hành chọn mẫu 50 KH để kiểm tra và phát hiện số tiền chênh lệch cao hơn 400 tr. KTV cho rằng không có các dấu hiệu gian lận, và doanh nghiệp đã đồng ý điều chỉnh 400 triệu**

**Ngoài ra do bất đồng về việc ước tính các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, KTV xác định số tiền doanh nghiệp cần lập dự phòng bổ sung là 300 triệu đồng. Tuy nhiên doanh nghiệp không đồng ý. Hãy xác định các sai sót về nợ phải thu khách hang trong tình huống trên.**

**Chú ý:**

* Sai sót mà KTV thực sự phát hiện ra gọi là **sai sót phát hiện**
* Sai sót mà KTV ước tính được gọi là **sai sót ước tính**
* Sai sót về quan điểm ước tính của KTV và BGĐ được gọi là **sai sót xét đoán**
* **Sai sót điều chỉnh** = Tổng sai sót – tổng sai sót đã được điều chỉnh

**Giải bt vận dụng**

Tổng thể mới = 200 – 25 = 175 khách hang

* Sai sót phát hiện = 400 tr
* Sai sót ước tính của 175 khách hang = (175\*400)/50 = 1400 tr
* Sai sót xét đoán = 300 tr
* Sai sót điều chỉnh = 1400 + 300 – 400 = 1300 tr

**Câu 3: Thế nào là gian lận (VSA 240)**

Trả lời:

* **Theo chuẩn mực quốc tế 240 hiện hành, Gian lận là** hành vi cố ý do một hay nhiều người trong ban quản trị, ban giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện, bằng các hành vi gian dối để thu lợi một cách bất chính hoặc bất hợp pháp.

**Khi phân tích phải phân tích theo tam giác gian lận:**

* **Áp lực:** doanh nghiệp đang kinh doanh nhưng do tình hình dịch bệnh mà doanh nghiệp bị hủy ngang nhiều hợp đồng
* **Động cơ:** doanh nghiệp mong muốn đạt được mục tiêu lợi nhuận, thúc đẩy doanh thu để làm đẹp BCTC
* **Cơ hội:** do loại hình công ty là công ty du lịch nên khó xác định thời gian ghi nhận doanh thu. Việc doanh nghiệp muốn ghi nhận doanh thu cao hay thấp hơn thực tế cũng dễ dàng.
* Bên cạnh đó, ban giám đốc cũng có động cơ rõ ràng là đẩy mạnh doanh số tiết kiệm chi phí, cắt giảm nhân sự làm cho HTKSNB vi phạm vào nguyên tắt bất kiêm nhiệm.

**Vì vậy**, với việc khai cao hơn 500 tr đã làm cho công ty đạt được các mục tiêu, động cơ của mình là làm đẹp BCTC nên đây được coi là **hành vi gian lận.**

**Câu 4: trình bày khái niệm rủi ro kiểm toán. Cho biết mối quan hệ giữa rủi ro phát hiện và rủi ro có sai sót trọng yếu. theo chuẩn mực KT 200 thế nào là rủi ro có sai sót trọng yếu.**

**Trả lời**

* **Rủi ro kiểm toán (AR) là:** là rủi ro do KTV đưa ra ý kiến kiểm toán không phù hợp khi BCTC đã được kiểm toán còn chứa đựng sai sót trọng yếu.

Rủi ro kiểm toán là hệ quả của rủi ro phát hiện và rủi ro có sai sót trọng yếu.

* **Mối quan hệ giữa rủi ro phát hiện và rủi ro có sai sót trọng yếu**

+ Rủi ro phát hiện (DR) là rủi ro trong quá trình kiểm toán, các thủ tục mà KTV thực hiện nhằm làm giảm rủi ro KiT tới xuống mức thấp nhất có thể chấp nhận được nhưng vẩn không phát hiện được hết các sai sót trọng yếu khi xét riêng lẻ hoặc tổng hợp lại.

+ Rủi ro có sai sót trọng yếu là rủi ro chưa tính đến các rủi ro phát hiện. Rủi ro có sai sót trọng yếu độc lập với KTV là rủi ro của doanh nghiệp bao gồm rủi ro tiềm tàng (IR) và rủi ro kiểm soát (CR)

+ mối quan hệ này được biểu hiện bằng công thức: DR= AR/(IR\*CR)

* **Rủi ro có sai sót trọng yếu: bao gồm rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát**

**Trong đó:**

+ **Rủi ro tiềm tàng** là rủi ro tiềm ẩn vốn có do khả năng cơ sở dẫn liệu của 1 nhóm giao dịch, số dư tài khoản hay thông tin thuyết minh có thể chứa đựng sai sót trọng yếu, khi xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, trước khi xem xét đến bất kỳ kiểm soát nào có liên quan

+ **Rủi ro kiểm soát** là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu, khi xét riêng lẻ hay tổng hợp lại, đối với cơ sở dẫn liệu của 1 nhóm giao dịch, số dư tài khoản hay thông tin thuyết minh mà KSNB của đơn vị không thể ngăn chặn hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời

**Câu 5: Thế nào là bằng chứng kiểm toán. Liệt kê các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán?**

* **Độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán được đánh giá dựa Trên những yếu tố nào?**
* **Liệt các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán. Phân tích ưu và nhược điểm của phương pháp kiểm tra tài Liệu và kiểm tra vật chất.**
* **Khái niệm về bằng chứng kiểm toán** là tất cả các tài liệu thông tin do kiểm toán viên thu thập được liên quan đến cuộc kiểm toán và dựa vào các tài liệu, thông tin này, KTV đưa ra kết luận và từ đó hình thành ý kiến kiểm toán.
* **Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán**
* Kiểm tra
* Quan sát
* Xác nhận
* Tính toán
* Thực hiện lại
* Phân tích
* Phỏng vấn
* **Độ tin cậy của bằng chứng kiểm toán dựa vào các yếu tố:**
* Dựa vào nguồn gốc của bằng chứng kiểm toán (trong hay ngoài đơn vị được kiểm toán)
* Dựa vào dạng của bằng chứng kiểm toán (phỏng vấn, vật chất hay là tài liệu)
* Dựa vào HTKSNB của đơn vị được kiểm toán
* Đặc điểm của vấn đề cần thu thập
* Dựa vào ý kiến của các chuyên gia
* Kết hợp nhiều bằng chứng kiểm toán với nhau
* Bằng chứng kiểm toán mang tính khách quan
* **Phân tích ưu và nhược điểm của phương pháp kiểm tra tài Liệu và kiểm tra vật chất.**
* **Kiểm tra tài liệu** là việc xem xét, đối chiếu tài liệu, văn bản, sổ kế toán, báo cáo kế toán và các tài liệu có liên quan
* **Ưu điểm** là việc kiểm tra tài liệu chỉ giúp cho kiểm toán viên phát hiện được quyền sở hữu của các tài liệu cần kiểm tra, có số liệu rõ ràng, kiểm toán viên được ngồi văn phòng.
* **Nhược điểm**: các tài liệu có thể bị giả mạo, việc kiểm tra số liệu thì không thể thấy được tính hiện hữu của tài sản
* **Kiểm tra vật chất:** là việc trực tiếp kiểm tra, tham gia kiểm kê tài sản thực tế về tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, TSCĐ hữu hình, …
* **Ưu điểm:** xác định được tính hiện hữu có độ tin cậy cao nhất, biết được hình dạng của HTK, còn bán được hay không
* **Nhược điểm:** chi phí cao, tốn thời gian, KTV cực khổ, chỉ biết được sự hiện hữu nhưng chưa chắc chắn về quyền sở hữu.

PHẦN 3: PHÂN BIỆT THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT-CƠ BẢN, CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP BẰNG CHỨNG, CÁC CƠ SỞ DẪN LIỆU.

**Bài 1**: Đối với mỗi thủ tục kiểm toán, Xác định loại bằng chứng mà kiểm toán viên đạt được, kỹ thuật thu thập bằng chứng và Mục tiêu kiểm toán

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thủ tục kiểm toán** | **Bằng chứng đạt được** | **Kỹ thuật thu thập** | **Mục tiêu** |
| **1.** Tính số vòng quay HTK, đồng thời phỏng vấn thủ kho để phát hiện những hàng hóa luân chuyển chậm nhưng không lập dự phòng. | Giấy tờ làm việc của KTV, BCTC | Tính toán, phỏng vấn, phân tích | Đánh giá HTK lỗi thời để lập dự phòng |
| **2**. So sánh ngày trên phiếu gửi hàng và ngày ghi sổ nhật ký đối với một số nghiệp vụ bán hàng trứơc và sau thời điểm khóa sổ. | Phiếu gửi hàng, hóa đơn, sổ nhật ký | Kiểm tra tài liệu | Đúng kỳ |
| **3**. Thu thập thư xác nhận ngân hàng | Thư xác nhận | Xác nhận | Hiện hữu, quyền, nghĩa vụ |
| **4.** Tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho | Biên bản kiểm kê | Kiểm tra vật chất | Hiện hữu |
| **5**. Rà soát, kiểm tra các khoản Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ, xem chúng có được quy đổi theo tỷ giá phù hợp với quy định hiện hành hay không. | Giấy tờ làm việc của KTV, thông báo tỷ giá, xác nhận ngân hàng về |  |  |

**Bài 2: Đánh dấu vào cột TNKS hay TNCB, nếu là TNCB thì đó là thủ tục phân tích hay Kiểm tra chi tiết. Đồng thời xác định mục tiêu (cơ sở dẫn liệu) đạt được khi thực hiện thủ tục.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thủ tục** | **TNKS** | **TNCB** | **Cụ thể thủ tục** | **Mục tiêu (CSDL)** |
| 1. Kiểm tra tổng cộng chi tiết các khoản nợ phải trả và đối chiếu tổng số với sổ cái. |  |  | Kiểm tra số dư | Chích xác |
| 2. Kiểm tra hóa đơn chưa thanh toán của người bán để kiểm tra số dư chi tiết cuối kỳ cuả các khoản phải trả. |  |  | Kiểm tra số dư | Hiện hữu, nghĩa vụ |
| 3. So sánh chi phí khấu hao năm nay với chi phí khấu hao năm trước. Qua đó phát hiện tỷ lệ khấu hao năm nay tăng lên so với năm trước. |  |  | Thủ tục phân tích | Đánh giá, hiện hữu, đầy đủ |
| 4. Thảo luận với nhân viên giữ sổ sách về chi quỹ về trách nhiệm của anh ta. Quan sát xem trong thực tế nhân viên này có đảm nhận công việc giữ quỹ hay chuẩn bị các biểu chỉnh hợp tiền gởi ngân hàng hay không. |  |  |  | Hiện hữu của quy trình |
| 5. Gửi thư yêu cầu xác nhận các khoản phải trả cuối kỳ trực tiếp đến các nhà cung cấp. |  |  | Kiểm tra số dư | Hiện hữu, nghĩa vụ |
| 6. Kiểm tra sự liên tục của các sec trên nhật ký chi quỹ để xem chúng có bị bỏ sót không? |  |  |  | Đầy đủ |
| 7. Kiểm tra chữ ký của các kiểm toán viên nội bộ trên các biểu chỉnh hợp số dư tiền gửi ngân hàng mỗi tháng như một bằng chứng là các biểu này đã được kiểm tra bởi các kiểm toán viên nội bộ. |  |  |  | Hiện hữu, Đầy đủ của HDKS |
| 8. Kiểm tra hóa đơn của người bán và các tài liệu khác xem có đủ làm cơ sở cho các nghiệp vụ được ghi chép trên nhật ký mua hàng. |  |  | Kiểm tra chi tiết | Hiện hữu, đầy đủ của quy trình nghiệp vụ.  Hiện hữu của nghiệp vụ |
| 9. Nhân tỷ lệ hoa hồng với doanh thu và đem so sánh kết quả với chi phí hoa hồng trong kỳ. |  |  | Phân tích | Đánh giá, hiện hữu, đầy đủ |
| 10. Kiểm tra các hoá đơn của người bán có đầy đủ chữ ký của nhân viên được giao nhiệm vụ kiểm tra lại về giá cả, số lượng và tính toán của các hoá đơn trên. |  |  |  | Đầy đủ, hiện hữu HDKS |

**PHẦN 4: TÍNH MỨC TRỌNG YẾU VÀ ĐƯA RA Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

**Tình huống 1:**

KTV đã không được khách hàng kiểm toán mời tham gia chứng kiến việc kiểm kêquỹ tiền mặt của đơn vị vào ngày kết thúc tiến độ. Với những tài liệu kế toán hiện có cũng như tình hình thực tế tại đơn vị vào thời điểm kiểm toán, KTV không thể tiến hành thủ tục kiểm toán thay thế để có thể kiểm tra tính đúng đắn của các số liệu về tồn quỹ nói trên.

**Trả lời**: KTV bị giới hạn phạm vi kiểm toán

* Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa, KTV nêu ý kiến từ chối nhận xét
* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ

**Tình huống 2:**

Đơn vị không trích lập dự phỏng nợ phải thu khó đòi vì cho nếu thực hiện sẽ làm cho doanh nghiệp lỗ trầm trọng hơn.

**Trả lời**: KTV bất đồng ý kiến với ban giám đốc

* Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa thì KTV nêu ý kiến trái ngược
* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa KTV nêu ý kiến ngoại trừ

**Tình huống 3:**

Đơn vị không trích khấu hao tài sản cố định trong 3 tháng số tiền là: 80 trd. Biết rằng mức trọng yếu tổng thể là 200tr, mức trọng yếu phân bố cho khoản mục.

**Trả lời**: Doanh nghiệp chưa trích khấu hao 3 tháng, gây sai xót trên BCTC là 80trd lớn hơn mức trọng yếu khoản mục (50tr) nhưng nhỏ hơn mức trọng yếu tổng thể (200Trd)

* Sai xót trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ( chưa xét yếu tố định tính)

**Tình huống 4**: Đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền ước tính là 600trd. Biết rằng mức trọng yếu tổng thể là 500trd, mức trong yêu phân bổ cho khoản mục là 80 trd.

**Trả lời**: Doanh nghiệp chưa trích lập dự phòng giảm giá HTK, gây sai xót trên BCTC là 600tr > mức trọng yếu khoản mục (80tr) và > Mức trọng yếu tổng thể (500tr).

* Sai sót trọng yếu và lan tỏa ( chưa xét yếu tố định tính), KTV đã thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp => nêu ý kiến trái ngược

**Tình huống 5:** Kiểm toán viên không thể kiểm tra được toàn bộ hóa đơn bán hàng của Q4 do đơn vị không cung cấp đồng thời KTV cũng không thể thực hiện thủ tục thay thế để chứng minh tính có thực của doanh thu, số tiền ước tính là 1000tr. Biết rằng mức trọng yếu tổng thể là 500trđ, mức trong yếu phân bổ cho khoản mục là 200trd.

**Trả lời:** Doanh nghiệp bị giới hạn phạm vi kiểm toán và không thể thực hiện thủ tục thay thế để chứng minh tính có thực của doanh thu, sai sót doanh thu là 100trd > Mức trọng yếu tổng thể (500Tr).

* Sai sót trọng yếu và lan tỏa, KTV không có đủ bằng chứng thích hợp => ý kiến từ chối nhận xét

**Tình huống 6:**

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của năm tài chinh kết thúc ngày 31/12/N1 của công ty ABC, KTV không nhận được giải trình của Ban giám đốc. Ngoài vấn đề này, kiểm toán viên đã thu thập đủ bằng chứng để cho thấy báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với khuôn khổ về lập và trình báo báo cáo tài chính đượcáp dụng.

**Trả lời:** BCTC đã lập phù hợp với khôn khổ lập và trình bày BCTC => Ý kiến chấp nhận toàn phần

**Tình huống 7:**

Với các khoản mục công nợ phải thu phải trả, sau khi tiến hành thủ tục gởi thư xác nhận, KTV đã không nhận được các thư xác nhận phản hồi (về số dư công nợ cuối kỳ) từ các đối tượng có liên quan. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị được kiểm toán, KTV không thể tiến hành thủ tục kiểm toán thay thể để có thể kiểm tra tính đúng đắn của các số liệu về công nợ nói trên.

**Trả lời:** KTV bị giới hạn phạm vi kiểm toán

* Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa, KTV nêu ý kiến từ chối nhận xét
* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ

**Tình huống 8:**

Khi kiểm tra các khoản đầu tư dài hạn, KTV đã không có được BCTC đã kiểm toán của một công ty ở Nam Tư, nơi mà có một khoản đầu tư rất lớn của đơn vị vào đấy, Thời gian tiến hành cuộc kiểm toán rơi vào lúc mà NATO đang ném bom Nam Tư, KTV cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác về khoản mục này. KTV kết luận rằng không thể có được các bằng chứng kiếm toán thích hợp và đầy đủ về khoản đầu tư nêu trên.

**Trả lời:** KTV bị giới hạn phạm vi kiểm toán

* Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa, KTV nêu ý kiến từ chối nhận xét
* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ

**Tình huống 9:**

Một tháng sau ngày kết thúc niên độ, đơn vị vướng vào một vụ kiện chưa xét xử mà số tiền có thể phải trả trong vụ này chưa thể ước tính được một cách hợp lý. Trong 4 báo biểu của báo cáo tài chính, chi có Thuyết minh BCTC là trình bày về vấn đề này.

**Trả lời:** Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (31/12) cung cấp thêm bằng chứng về sự xuất hiện của khoản nợ tiềm tàng, tuy nhiên vụ kiện chưa được xét xử và không thể ước tính (Sự không chắc chắn liên quan đến kết quả trong tương lai của các vụ kiện tụng hoặc các quyết định của cơ quan quản lý) nên đây là một khoản mục nợ tiềm tàng cần thuyết minh chứ không phải điều chỉnh BCTC

* BCTC đã lập phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày BCTC => Ý kiến chấp nhận toàn phần- Đoạn vấn đề nhấn mạnh

**Tình huống 10:**

KTV đã không được tham gia chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho của đơn vị vào ngày kết thúc niên độ. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, KTV không thể tiến hành thủ tục kiểm toán thay thế để có thể kiểm tra tính đúng đắn của các số liệu về tồn kho nói trên.

**Trả lời:** KTV bị giới hạn phạm vi kiểm toán

* Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa, KTV nêu ý kiến từ chối nhận xét
* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ

**Tình huống 11:**

Trong quá trình kiểm toán tại một đơn vị thương mại, KTV phát hiện đơn vị đã hạch toán khống một số lượng lớn các nghiệp vụ bán hàng có giá trị lớn tương ứng với nhiều khoản phải thu khách hàng không xác nhận được. Bản chất sự việc cũng như tỷ trọng và giá trị ghi khống là nghiêm trọng. KTV cũng phát hiện ra rằng, so liệu về giá vốn hàng bán có những sai sót trọng yếu do đơn vị áp dụng không nhất quán phương pháp tính giá hàng xuất kho. Đơn vị đã không chấp thuận các điều chỉnh của KTV về các sai sót trên. Vào thời điểm kết thúc niên độ, đơn vị cũng đã không tiến hành kiểm kê tồn kho, tồn quỹ tiền mặt và tài sản.

**Trả lời:** Các sai sót trọng yếu trên ảnh hưởng đến báo cáo KQKD và nhiều chỉ tiêu quan trọng trên BCTC, lan tỏa đến tổng thể BCTC => Ý kiến trái ngược

**Tình huống 12**:

Trong báo cáo thường niên của công ty có một bảng tóm tắt các kết quả đạt được chủ yếu của công ty trong năm tài chính, KTV nhận thấy các thông tin này không nhất quán một cách trọng yếu với báo cáo tài chính đã được kiểm toán và đính kèm trong báo cáo thường niên. Sau khi rà soát lại, KTV nhận thấy cần điều chính lại bảng tóm tắt nói trên, nhưng công ty không đồng ý.

**Trả lời:** BCTC lập trung thực, hợp lý => Ý kiến chấp nhận toàn phần. Tuy nhiên có sự khác biệt giữa BCTC được kiểm toán và BCQT => Thêm đoạn vấn đề khác (10,VSA 720)

**Tình huống 13:**

Khi kiểm toán BCTC của niên độ kết thúc ngày 31/12/N1 của công ty Bình Minh, KTV nhận thấy có những dấu hiệu cho thấy giả định hoạt động liên tục bị vi phạm do công ty không có khả năng thanh toán các khoản Vay đến hạn. Công ty Bình Minh đã đưa ra các kế hoạch để giải quyết tình trạng trên như: bán các khoản đầu tư, huy động một số khoản tài trợ khác, và đã cung cấp được một số bằng chứng đáng tin cho kiểm toán viên về kể hoạch của mình, đồng thời khai báo đầy đủ trên thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trả lời:** Doanh nghiệp co những giấu hiệu cho thấy giả định hoạt động liên tục có thể bị vi phạm, tuy nhiên các kế hoạch để cải thiện tình hình được đưa ra và thuyết minh phù hợp => Ý kiến chấp nhận toàn phần => Vấn đề nhấn mạnh.

**Tình huống 14:**

Đơn vị không phân ánh vào cân đối kế toán một số TSCĐ thuế tài chính, cũng như chưa tính và thể hiện số khấu hao đối với khối tài sản nêu trên vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, đơn vị có khai báo trong Thuyết minh BCTC về các khoản nợ phát sinh do thuê tài chính.

**Trả lời:** KTV bất đồng quan điểm với BGD Nếu sai sót trên trọng yếu và lan tỏa, KTV nêu ý kiến trái ngược

* Nếu sai sót trên trọng yếu nhưng không lan tỏa, KTV nêu ý kiến ngoại trừ.

**Tình huống 15:**

Công ty kiểm toán AZK đang kiểm toán báo cáo tài chính cho công ty cổ phần Bình An, kiểm toán viên đánh giá các số liệu nhìn tổng thể là hợp lý, nhưng kiểm toán đặc biệt lưu ý vấn đề là đơn vị thay đổi phương pháp tính khấu hao tài sản cố định từ khẩu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao nhanh khi chuyển mục đích sử dụng của xe tải đang được sử dụng trong khu vực TPHCM sang sử dụng vận chuyển hàng tồn kho đến các tỉnh thành. Kiểm toán viên nhất trí với sự thay đổi này mặc dù nó có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng có thể so sánh được của BCTC. Đơn vị đã khai báo đầy đủ về sự thay đổi phương pháp khấu hao này trên báo cáo tài chính.

**Trả lời:** Ý kiến chấp nhận toàn phần - Đoạn “Vấn đề nhấn mạnh”